

Bản án số: 495/2018/DS-ST

Ngày: 22 - 8 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Dũng

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên Tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2018/TLST-DS ngày 14/5/2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2018/QĐXXST- DS ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Tú Q, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Đường T, Phường M, quận T, Tp. HCM.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, Sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Đường H, Phường U, quận Q, Tp. HCM.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường K, Phường S, quận L, Tp. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2018 và bản tự khai ngày 27/6/2018 của nguyên đơn - bà Đỗ Thị Tú Q trình bày: Vào khoảng cuối năm 2014 bà cho bà Nguyễn Thị H vay tiền 2 lần, tổng cộng số tiền là 40.000.000đ, bà H hẹn bà vài tháng sau sẽ trả, nhưng sau nhiều lần hứa hẹn bà H vẫn không chịu trả số tiền vay trên.

Nay bà yêu cầu cá nhân bà H phải trả cho bà số tiền 40.000.000đ.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 29/6/2018 bị đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là người ký xác nhận mượn của bà Q 40.000.000đ tại giấy xác nhận nợ ngày 29/12/2014, nhưng thực tế bà chỉ mượn bà Q 30.000.000đ, sau đó bà Q bắt bà ký vào giấy xác nhận nợ số tiền 40.000.000đ, trong đó bà Q tính tiền lãi của số tiền vay 30.000.000đ, nay bà chỉ đồng ý trả lại bà Q số tiền là 10.000.000đ, vì trước đây bà đã trả bà Q được 30.000.000đ. Khi trả số tiền 30.000.000đ cho bà Q, bà là người đưa trực tiếp, không có ghi giấy tờ trả nợ.

Qua yêu cầu của nguyên đơn bà không đồng ý, vì bà không còn nợ bà Q số tiền 40.000.000đ như bà Q trình bày.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Huỳnh Tấn T trình bày: Ông là chồng của bà Q. Việc bà Q cho bà H vay tiền là tiền riêng của vợ ông, ông không biết, cũng không liên quan đến số tiền này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Tấn T vắng mặt.

Bà Đỗ Thị Tú Q trình bày: Vào khoảng cuối năm 2014 bà cho bà Nguyễn Thị H vay tiền 2 lần, tổng cộng số tiền là 40.000.000đ, bà H cam kết đến trước tết nguyên đán năm 2014 sẽ trả bà số tiền trên, nhưng đến hẹn bà H vẫn không trả, nay bà yêu cầu cá nhân bà hết phải trả bà số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà mượn của bà Q số tiền 30.000.000đ, nhưng sau đó bà Q bắt bà ký vào giấy xác nhận nợ số tiền 40.000.000đ, trong đó bà Q tính tiền lãi của số tiền vay 30.000.000đ, nay bà chỉ đồng ý trả lại bà Q số tiền là 10.000.000đ. Vì trước đây bà đã trả tiền cho bà Q làm nhiều lần, tổng số tiền bà đã trả là 30.000.000đ. Khi trả tiền cho bà Q, bà là người đưa trực tiếp, không có ghi giấy tờ trả nợ.

Nay bà không đồng ý trả bà Q số tiền 40.000.000đ, vì bà không còn nợ bà Q số tiền 40.000.000đ như bà Q trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình xét xử Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải và họp kiểm tra chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Q số tiền còn thiếu là 40.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Đỗ Thị Tú Q khởi kiện, thì bị đơn - bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Đường H, Phường U, quận Q, Tp. HCM nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đổi chất, Quyết định xét xử cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Tấn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền 40.000.000đ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vào ngày 27/10/2014 bà Nguyễn Thị H viết giấy xác nhận mượn của bà Đỗ Thị Tú Q số tiền 35.000.000đ và hẹn đến trước tết nguyên đán năm 2015 sẽ trả số tiền trên, và theo cam kết ngày 29/12/2014 bà H xác nhận ngày 10/12/2014 bà có mượn thêm của bà Q số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn), tổng số tiền bà mượn của bà Q là 40.000.000đ và hẹn đến trước tết nguyên đán sẽ trả lại đầy đủ.

Căn cứ bản tự khai ngày 29/6/2018 bà H xác nhận chữ ký trên xác nhận bà còn nợ bà Q số tiền 40.000.000đ tại giấy xác nhận nợ ngày 29/12/2014 là của bà, nhưng do bị bà Q ép buộc.

Theo biên bản hòa giải ngày 29/6/2018, ngày 13/7/2018 và lời trình bày của bà H tại phiên tòa thì: Bà chỉ mượn bà Q số tiền 30.000.000đ, nhưng bà Q bắt bà ký vào giấy xác nhận nợ số tiền 40.000.000đ, sau đó bà đã trả cho bà Q 30.000.000đ, hiện nay bà chỉ còn thiếu bà Q 10.000.000đ, nhưng bà H không đưa ra được giấy tờ, tài liệu nào để chứng minh việc bà Q ép bà phải ký xác nhận số tiền đã mượn 40.000.000đ, cũng như việc bà đã trả cho bà Q số tiền 30.000.000đ.

Căn cứ vào chứng cứ và phân tích nêu trên, Tòa án nhận định yêu cầu của bà Đỗ Thị Tú Q là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm là 2.000.000đ. Hoàn lại bà Đỗ Thị Tú Q số tiền 1.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290, 302, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Tú Q.

Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị Tú Q số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 29/12/2014 của bà Nguyễn Thị H đối với bà Đỗ Thị Tú Q.

Thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự là 2.000.000đ (hai triệu đồng), hoàn lại bà Đỗ Thị Tú Q 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008245 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Quang